

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **68/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 05/9/2022

“Vv: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Cao Lâm và ông Nguyễn Sơn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 229/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H., sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

(Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn K., sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

(vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị H. và anh Đặng Văn K. kết hôn với nhau vào năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S., tỉnh Tuyên Quang vào ngày 19/12/2007. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 6/2022

chị H. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn K..

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H. trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Do vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn K..

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự, bị đơn anh Đặng Văn K. trình bày quan điểm thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi con chung mất vì tai nạn, vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung nên chị H. đã bỏ nhà đi, vợ chồng hiện sống ly thân. Nay chị H. có đơn ly hôn anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Do đặc thù công việc nên anh không đến Tòa án làm việc, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Trung Kh, sinh ngày 10/6/2008, cháu Kh. đã mất năm 2021 nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh K. còn có 01 con riêng là Đặng Văn C, sinh năm 1997, cháu C. đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, đất đai chung, vay nợ chung: Chị Trần Thị H. và anh Đặng Văn K. xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Đặng Văn K. có hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh Đặng Văn K. và chị Trần Thị H. kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S., tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại Thôn C, xã T, huyện S, từ năm 2021 sau khi con chung là cháu Đặng Trung Kh. mất vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị H. bỏ đi làm ăn xa, vợ chồng sống ly thân từ đó.

Anh Đặng Văn K. có mặt ở địa phương, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh K. vẫn không đến Tòa án làm việc. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn mà không tiến hành hòa giải.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị H. và anh Đặng Văn K. kết hôn vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S. là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, vợ

chồng hiện sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Trần Thị H. được ly hôn với anh Đặng Văn K.; về con chung, tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật:

Theo đơn khởi kiện chị Trần Thị H. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn K.; không đề nghị giải quyết về con chung, tài sản, đất đai, công nợ chung. Bị đơn anh Đặng Văn K. có hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, hiện anh K. có mặt ở địa phương. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “Ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh K. nhiều lần nhưng anh K. không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đặng Văn K. vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 28, 35, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H. và anh Đặng Văn K. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S., tỉnh Tuyên Quang vào năm 2007 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, từ năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân. Tháng 6/2022 chị H. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn K..

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Trần Thị H. và anh Đặng Văn K. thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng sống ly thân nên xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận xử cho chị Trần Thị H. được ly hôn với anh Đặng Văn K..

- Về con chung: Chị Trần Thị H. và anh Đặng Văn K. có 01 con chung là Đặng Trung Kh, sinh ngày 26/10/2008, cháu Kh. đã mất năm 2021 nên không đề nghị giải quyết.

Anh Đặng Văn K. còn có 01 con riêng là Đặng Văn C, sinh năm 1997, cháu C. đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết.

Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết về con chung

- Về tài sản, đất đai chung, công nợ chung: Chị Trần Thị H. và anh Đặng Văn K. không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H. được ly hôn với anh Đặng Văn K..
2. Về án phí: Chị Trần Thị H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002131 ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Trần Thị H. đã nộp đủ án phí của vụ án.
4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã T.;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến